

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-01-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2024/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Liêu Thị Hồng L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa chị L, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Liêu Thị Hồng L trình bày:

Chị và anh T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/12/2009. Thời gian đầu chị và anh T chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 21/10/2010,

hiện cháu T1 đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Liêu Thị Hồng L.

Tại phiên tòa:

Chị Liêu Thị Hồng L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

Về thủ tục: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị L đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Về hôn nhân: Chị Liêu Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 21/10/2010 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị Liêu Thị Hồng L có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: Chị Liêu Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn T; anh T có địa chỉ tại huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn anh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Liêu Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/12/2009. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm, chị L và anh T bất đồng quan điểm phát sinh mâu thuẫn. Chị L và anh T sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Trong quá trình tố tụng, chị L cho rằng hôn nhân của chị và anh T không thể tiếp tục, nhận thấy không còn tình cảm nên kiên quyết ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa thể hiện việc không có thiện chí hàn gắn. Vì vậy, có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 21/10/2010, anh T không có ý kiến tranh chấp. Xét thấy: Cháu T1 đã trên 07 tuổi, hiện đang sống với chị L và có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định về tâm lý, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống và tạo điều kiện tốt nhất cho cháu T1 nên việc giao cháu T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Liêu Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 21/10/2010 cho chị Liêu Thị Hồng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị Liêu Thị Hồng L tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Liêu Thị Hồng L khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Liêu Thị Hồng L phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004158 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Liêu Thị Hồng L đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Trần Thị Phượng Tường